

Từ biểu đồ Venn ta thấy mối quan hệ giữa các hợp phần trong xã Bộc Nhiêu gắn bó rất chặt chẽ với nhau và đều hướng đến lợi ích của người dân trong xã. Trong đó chương trình 135 có tác động và vai trò rất lớn trong việc nâng cao đời sống của người dân. Chương trình 135 không chỉ tác động đến kinh tế mà còn tác động đến sự phát triển của xã hội. Chương trình 135 thực hiện giúp cho việc phát triển kinh tế - xã hội của Bộc Nhiêu được phát triển toàn diện và đồng bộ hơn phù hợp với xu hướng phát triển và chiến lược của Đảng và nhà nước.

4.4. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN II ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN VÙNG DỰ ÁN

Theo số liệu từ các báo cáo của địa phương kết hợp với phân tích số liệu từ nhóm hộ điều tra đã cho thấy một số tác động chính của Chương trình 135 giai đoạn II đến đời sống của người dân vùng dự án như sau:

4.4.1. Tác động làm tăng trưởng kinh tế địa phương

Để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế ta quan sát bảng số liệu sau:

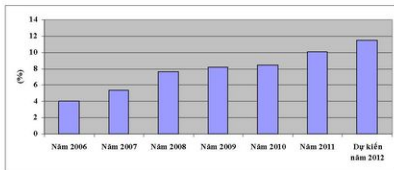
Bảng 4.17: Một số chỉ tiêu đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế xã

Các chỉ tiêu	Năm 2006		Năm 2011		So sánh 2011/2006	
	Số lượng (tr.đ)	Cơ cấu (%)	Số lượng (tr.đ)	Cơ cấu (%)	Tăng (+) Giảm (-) (tr.đ)	Tỷ lệ %
Lương cán bộ giáo viên, y tế	2.875,3	10,42	3.138,95	9,21	263,65	109,17
Lương cán bộ xã, hưu xã	857	3,11	975,79	2,86	118,79	113,86
Lương cán bộ hưu nhà nước	1.200	4,35	1.440	4,23	240	120
Các khoản trợ cấp xã hội	2.525	9,15	1.409	4,14	-1116	55,8
Giá trị sản xuất NLN	18.000	65,23	22.200	65,17	4.200	123,33
Giá trị sản xuất KD-DV	675	2,45	1.500	4,4	825	222,22
Công nghiệp, xây dựng	562	2,04	1.900	5,58	1.338	338,08
Các nguồn thu khác	900	3,26	1.500	4,4	600	166,67
Tổng GDP của xã	27.594,3	100	34.063,75	100		
Tổng số dân của xã	4.076		4.263		187	104,59
GDP/người/năm	6,77		7,99		1,22	118

(Nguồn: UBND xã Bộc Nhiêu)

Chương trình 135 giai đoạn II được thực hiện trên địa bàn xã từ năm 2006, sau 5 năm thực hiện nó đã thực sự tác động mạnh mẽ tới sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của địa phương, làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng cao theo mức độ đầu tư vào vùng dự án.

Ta thấy trước và sau khi có Chương trình 135 thu nhập bình quân/người của Bộc Nhiêu đã tăng thêm 1,22 triệu/người/năm. Đặc biệt là địa phương đã dần dần có thể tự lực và không còn phụ thuộc nhiều vào nguồn hỗ trợ từ bên ngoài nữa. Cụ thể là năm 2006 các khoản trợ cấp xã hội trợ cấp cho xã là khoảng 2,525 tỷ đồng, đến năm 2011 thì các khoản trợ cấp đó đã giảm xuống còn khoảng 1,409 tỷ đồng, bằng 55,8% năm 2006. Xã đã giảm dần sự phụ thuộc từ bên ngoài. Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm tăng rất cao kể từ khi có sự đầu tư của nhà nước vào khu vực, đặc biệt là Chương trình 135. Tốc độ tăng trưởng được thể hiện qua hình 2.



Hình 2: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã từ năm 2006 đến năm 2011

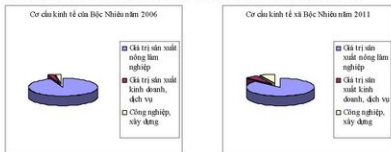
Qua hình, chúng ta thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã qua các năm đều rất cao, đặc biệt là từ năm 2008, khi mà Chương trình 135 đã đầu tư xây dựng xong con đường liên xã đi qua xã tạo ra bước đột phá trong phát triển kinh tế của xã. Trong năm 2008, tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã tăng 7,65% so với 5,35% trong năm 2007. Trong những năm tiếp theo, tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã luôn rất cao, năm 2009 là 8,2%, năm 2010 tăng lên 8,5%, cho tới năm 2011 tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa phương là 10,1%. Dự tính tới năm 2012 tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ là 11,5%.

Như vậy Chương trình 135 đã có tác động rất lớn tới tăng trưởng kinh tế địa phương trong các năm chương trình đầu tư vào khu vực nông thôn xã.

4.4.1.1. Tác động làm chuyển dịch kinh tế địa phương

Kể từ khi Chương trình 135 được triển khai trên địa bàn xã đã tạo ra sự thay đổi lớn trong cơ cấu nền kinh tế của xã, cơ cấu kinh tế xã có sự chuyển biến và sự xuất hiện của những ngành mới như ngành tiểu thủ công nghiệp.

Ngành nông lâm nghiệp: Nông - Lâm nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu của xã, tuy nhiên khi Chương trình 135 được triển khai, ngành nông nghiệp đã có sự biến đổi nhất định khi giảm tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế từ 84,79% năm 2006 xuống còn 79,91% năm 2011 nhưng tổng giá trị của nó lại vẫn chiếm một lượng rất lớn trong tổng giá trị thu nhập của xã. Trong khi đó, một số ngành khác có xu hướng tăng tương đối nhanh từ năm 2006 cho tới năm 2011, đặc biệt là ngành thương mại dịch vụ. Năm 2006 ngành thương mại - dịch vụ chiếm 4,48% giá trị trong cơ cấu thu nhập của toàn xã, tuy nhiên tới năm 2011 ngành này đã tăng lên khoảng 10,06% và sự xuất hiện của ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu thu nhập của xã tuy chưa cao nhưng đã cho chúng ta thấy sự chuyển hướng của nền kinh tế xã. Cơ cấu thu nhập của xã có những bước chuyển dịch được thể hiện qua hình 3.



Hình 3: So sánh cơ cấu kinh tế xã năm 2006 và 2011

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng nền kinh tế của xã có sự chuyển biến cơ cấu kinh tế rõ rệt kể từ khi Chương trình 135 được triển khai tại địa bàn xã và tác động mạnh mẽ tới cơ cấu kinh tế của xã. Đây là tác động trực tiếp của chương trình tới nền kinh tế của xã, khẳng định được hiệu quả thiết thực của Chương trình 135.

4.4.1.2. Tác động đến sản xuất nông nghiệp

Ngành sản xuất nông nghiệp đã có những chuyển biến lớn trong cơ cấu giữa trồng trọt và chăn nuôi. Ngành chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi đàn gia súc lớn đang có xu hướng phát triển rất nhanh và làm cho giá trị của ngành chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp tăng cao, từ 35% năm 2006 lên 44% năm 2011.

* *Trồng trọt*: ngành trồng trọt đã có những thay đổi lớn khi Chương trình 135 được triển khai trên địa bàn do được đầu tư mở rộng diện tích gieo trồng từ dự án hỗ trợ khai hoang cho nên diện tích gieo trồng đã tăng từ 655,7ha năm 2006 lên tới 715,3ha năm 2011. Trong đó, diện tích một số cây trồng chính cũng tăng khá nhanh được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 4.18: So sánh diện tích một số giống cây chính

DVT: ha

Loại cây trồng	Trước khi có chương trình 2006	Sau khi có chương trình 2011	So sánh	
			Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
Lúa	195	200	5	102,56
Ngô	12	16	4	133,33
Chè	257	259,84	2,84	101,11
Sắn	9	12	3	133,33

(Nguồn: UBND xã Bộc Nhiêu)

Như vậy, chúng ta thấy rằng sau khi chương trình được triển khai tại địa phương đã thúc đẩy quá trình khai hoang làm tăng diện tích đất trồng trọt, đặc biệt là đất ruộng lúa tăng thêm 5ha sau khi thực hiện khai hoang với tốc độ tăng là 102,56% so với khi chưa thực hiện Chương trình 135. Cây ngô cũng là một cây có tốc độ tăng cao về diện tích khi diện tích tăng thêm 4ha và diện tích tăng thêm là 3ha với tốc độ như sắn tức 133,33%.

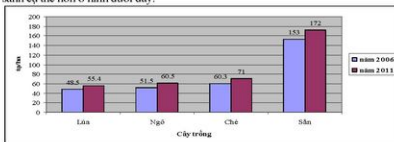
Mặt khác, do được đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi chủ động tưới tiêu cho cây trồng cho nên sản lượng và năng suất nông sản không ngừng tăng theo các năm, do được đầu tư về giống và kỹ thuật thâm canh cho nên sản lượng cây trồng quy lúa tăng từ 976,51 tấn năm 2006 lên 1.322,5 tấn năm 2011.

Bảng 4.19: Sản lượng và năng suất một số giống cây trồng chính

Chi tiêu	Trước chương trình (2006)		Khi có chương trình (2011)		So sánh sản lượng	
	Năng suất	Sản lượng	Năng suất	Sản lượng	Tăng +	Tỉ lệ
	(Tạ/ha)	(Tấn)	(Tạ/ha)	(Tấn)	Giảm -	(%)
Lúa	48,5	557,2	55,4	734,7	177,5	131,86
Ngô	51,5	388,41	60,5	422	33,59	108,65
Chè	60,3	950	71	1043	93	109,79
Sắn	153	750	172	900	150	120,00

(Nguồn: UBND xã Bộc Nhiêu)

Như vậy chúng ta thấy rằng sản lượng của cây trồng tăng rất nhanh khi có Chương trình 135, đặc biệt là sản lượng lúa. Sau 5 năm thực hiện chương trình, sản lượng lúa tăng từ 557,2 lên 734,7 tấn với tỷ lệ tăng là 131,86%, trong khi đó sản lượng các giống cây trồng khác cũng tăng lên rất nhanh như sắn tăng với tỷ lệ 120%, chè tăng với tỷ lệ là 109,79%, ngô tăng với tỷ lệ là 108,65%. Sự tăng mạnh về năng suất cũng như sản lượng của các cây trồng trước và sau Chương trình 135 được so sánh cụ thể hơn ở hình dưới đây:

**Hình 4: So sánh năng suất một số cây trồng chính của xã**

* *Chăn nuôi*: Trước khi có Chương trình 135, chăn nuôi chủ yếu là tự cung tự cấp, phục các hoạt động trong gia đình và phục vụ nông nghiệp. Sau khi có Chương trình 135, ngành chăn nuôi của xã đã phát triển rất nhanh và với số lượng lớn, nhiều gia đình đã dần chuyển sang sản xuất hàng hoá trong đó đã có những gia đình thực hiện kinh tế trang trại, phát triển chủ yếu là đại gia súc theo sự đầu tư của các chính sách, dự án đầu tư lồng ghép vào khu vực vùng sâu, vùng xa.

Bảng 4.20: Tình hình phát triển chăn nuôi xã Bộc Nhiêu*Đơn vị: Con*

Loại vật nuôi	Trước khi có chương trình 135 (2006)	Sau khi có chương trình 135 (2011)	So sánh	
			Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1.Trâu	485	535	50	110,31
2.Bò	32	28	-4	87,50
3. Lợn con	2.500	2.800	300	112,00
Lợn nái	41	79	38	192,68
4.Dê	796	935	139	117,46
5.Gia cầm	22.000	25.000	3.000	113,64

(Nguồn: UBND xã Bộc Nhiêu)

Sau khi thực hiện Chương trình 135 ngành chăn nuôi của xã đã có những thay đổi nhất định lồng ghép với Dự án 440 đầu tư cho chăn nuôi phát triển đàn gia súc của tỉnh Thái Nguyên cho nên hầu hết số lượng gia súc, gia cầm đều tăng, cụ thể tăng mạnh nhất là số lượng lợn nái, tăng từ 41 con năm 2006 lên 79 con năm 2011 do trong giai đoạn 2 của chương trình 135 đã hỗ trợ cho người dân lợn nái sinh sản. Tiếp theo là số lượng dê, gia cầm, lợn thịt và trâu cũng tăng tương đối cao, cụ thể dê tăng 117,46%, đàn gia cầm tăng 113,64%, đàn lợn thịt tăng 112% và đàn trâu tăng 110,31%.

4.4.1.3. Tác động đến giảm thiểu rủi ro trong sản xuất nông nghiệp

Chương trình 135 không những tác động tích cực đến cơ cấu kinh tế của địa phương mà nó còn tác động đến tất cả mọi mặt về cả kinh tế - xã hội của địa phương, nó không những tác động đến tổng thể của địa phương mà còn tác động đến từng lĩnh vực, từng khía cạnh của sự phát triển. Cụ thể là trong nông nghiệp, Chương trình 135 không những tác động đến sự tăng trưởng của ngành mà nó còn tác động cụ thể đến cả sự ổn định và tăng tính an toàn trong sản xuất. Cụ thể là chương trình còn tác động đến sự giảm dần về các loại bệnh dịch trong quá trình trồng trọt, chăn nuôi, giúp người dân an tâm sản xuất và mở rộng quy mô sản xuất hơn. Tác động của Chương trình

135 đến sự giảm dần bệnh dịch trong trồng trọt, chăn nuôi được thể hiện qua bảng 4.21.

Bảng 4.21: Tỷ lệ mắc dịch bệnh của cây trồng, vật nuôi

Cây trồng, vật nuôi	Nguyên nhân	Tỷ lệ mắc bệnh năm 2006 (%)	Tỷ lệ mắc bệnh năm 2011 (%)	Tăng (+) Giảm (-)
Lúa	Khô vằn	15	5	-10
	Uốn lá	30	20	-10
	Rầy nâu	40	15	-25
Ngô	Rỉ sắt	15	10	-5
	Đốm lá	20	10	-10
	Khô vằn	15	10	-5
Chè	Rầy xanh	25	15	-10
	Phồng lá	30	25	-5
	Bọ cánh tơ	10	5	-5
Trâu, bò, dê	Lở mồm, long móng	15	5	-10
	Tụ huyết trùng	30	20	-10
	Chết rết	40	15	-25
Lợn	Tụ huyết trùng	15	10	-5
	Dịch tả	20	10	-10
	Phổ thương hàn	15	10	-5
Gia cầm	Cúm	25	15	-10
	Phân trắng	30	25	-5
	Đậu	10	5	-5
Cá	Chết rết	20	10	-10

(Nguồn: Báo cáo của cán bộ KN xã Bộc Nhiêu)

Từ khi có Chương trình 135 thì tỉ lệ mắc bệnh dịch của cây trồng vật nuôi giảm hẳn. Có được kết quả như vậy là do các dự án trong chương trình 135 về chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi như: chuyển từ trồng chè hạt sang chè cành, thay giống lúa cũ năng suất thấp ở địa phương bằng giống lúa mới có năng suất cao hơn,.... Đặc biệt là dự án tập huấn

cho người dân về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi do nguồn vốn 135 thực hiện. Nhờ có những lớp tập huấn về các kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, các biện pháp phòng bệnh đó mà hiện giờ người dân đã phần nào đã có thể chủ động phòng chống các loại dịch bệnh và có những biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện ra dịch bệnh, từ đó giúp nâng cao được năng suất cũng như sản lượng của nông sản.

4.4.1.4. Tác động đến thu nhập các sản phẩm nông nghiệp

Từ điều tra chọn mẫu 75 nông hộ và tổng hợp số liệu điều tra ta có thu nhập bình quân của các hộ từ nông nghiệp thông qua bảng 4.22 như sau.

Bảng 4.22: Nguồn thu trong nông nghiệp tính BQ/hộ

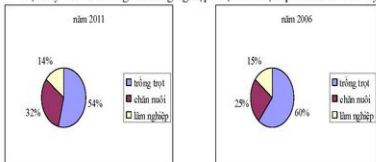
(Đơn vị: Trđ/năm)

Nguồn thu	Trước khi có Chương trình 135 (năm 2006)	Sau khi có Chương trình 135 (năm 2011)
Thu nhập từ trồng trọt	10,55	14,03
Thu nhập từ lúa	3,11	4,58
Thu nhập từ ngô	1,48	1,55
Thu nhập từ sắn	1,24	2,32
Thu nhập từ chè	3,75	4,34
Thu nhập từ cây trồng khác	0,97	1,24
Thu nhập từ chăn nuôi	4,3	8,28
Thu nhập từ lợn	2,3	4,5
Thu nhập từ gà	1,6	2,78
Thu nhập từ cá	0,1	0,3
Thu nhập từ dê	0,3	0,7
Thu nhập từ lâm nghiệp	2,52	3,78
Tổng thu BQ	17,37	26,09

(Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra nông hộ)

Từ bảng số liệu ta thấy nguồn thu của các hộ sau khi có chương trình 135 so với trước khi có chương trình đã tăng lên đáng kể, từ đó ta thấy được tác động của chương trình 135 tới địa phương là rất rõ rệt.

Sự thay đổi cơ cấu ngành nông nghiệp được thể hiện qua hình 5 dưới đây:

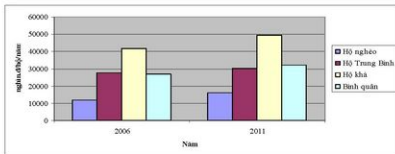


Hình 5: So sánh cơ cấu ngành nông nghiệp

Có thể thấy rằng, cơ cấu nông nghiệp của xã đã có rất nhiều sự chuyển biến về khoảng cách giữa trồng trọt và chăn nuôi, cơ cấu kinh tế dần dần có sự cân bằng, đặc biệt là ngành chăn nuôi từ 25% năm 2006 cho tới năm 2011 đã chiếm 32% cơ cấu thu nhập nông nghiệp của xã.

4.4.1.5. Nâng cao thu nhập nông hộ

Chương trình 135 triển khai ở địa bàn đã cho ta thấy thu nhập của hộ nông dân tăng dần lên theo thời gian. Theo như thống kê của UBND xã, từ năm 2006 tức là năm khi dự án mới bắt đầu được triển khai tại xã thì thu nhập bình quân đầu người khoảng 6,7 triệu đồng/năm tăng lên 7,9 triệu đồng năm 2011 (tăng thêm 1,2 triệu đ/người). Cơ cấu thu nhập của các hộ gia đình/năm được thể hiện cụ thể trên hình.



Hình 6: So sánh cơ cấu thu nhập bình quân/hộ/năm của các nông hộ

Từ hình trên ta thấy trong 5 năm thực hiện Chương trình 135 thì thu nhập bình quân của các hộ thuộc các nhóm hộ khác nhau đều tăng. Thu nhập bình quân chung của các hộ trong địa phương tăng từ 27,81 triệu/hộ/năm trong năm 2006 (khoảng 6,7 triệu/khẩu/năm) lên 32 triệu/hộ/năm trong năm 2011 (khoảng 7,9 triệu/khẩu/năm). Với một xã vốn là một xã nghèo vùng miền núi phía Bắc mà có được sự tăng trưởng kinh tế như vậy không phải dễ. Từ một xã có hơn một nửa số dân là người dân tộc ít người và gần một nửa số hộ là hộ nghèo trong năm 2006 vậy mà chỉ trong 6 năm số hộ nghèo đã giảm xuống còn hơn 30% đây là một thành tựu vượt bậc mà yếu tố tạo lên sự phát triển vượt bậc đó không gì khác hơn đó là Chương trình 135 của Chính phủ.

4.4.1.6. Giảm chi phí vận chuyển hàng hoá

Qua phỏng vấn các hộ gia đình thì 100% các hộ cho rằng, chi phí vận chuyển từ khi thực hiện chương trình đều giảm bình quân hàng năm, mỗi hộ giảm từ 500 - 600 nghìn đồng.

Nguyên nhân là khi thực hiện chương trình, hệ thống đường giao thông, điện, chợ và các dịch vụ khác trong xã phát triển làm cho việc mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân thuận lợi hơn rất nhiều. Họ không phải mang sản phẩm của mình đi xa để bán mà họ bán sản phẩm của mình ngay tại nhà và mua các thiết bị vật tư khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

Hộp 1: Tâm sự của người dân về việc vận chuyển hàng hóa

Phỏng vấn bà **Lê Thị Thủy** (47 tuổi, dân tộc Tày ở xóm Chú 3) về việc vận chuyển hàng hóa, bà cho hay:

“Cháu không biết chứ mấy năm trước chúng tôi chở hàng hóa ra chợ bán khổ sở thế nào đâu, nhất là khi trời mưa, đường lầy không thể đi được. Chè sấy được rồi nhưng vẫn phải để ở nhà không đi bán được mà phải để đến khi trời nắng, khô đường mới giảm đi. Từ khi xã làm đường nhựa và đường bê tông thì ngày mưa cũng như ngày nắng, hễ có phiên chợ tôi đều có thể mang chè ra chợ bán được, có những thời điểm các thương lái còn vào tận nhà để mua nữa.”

Từ tâm sự của bà Thủy ta có thể thấy được những đổi thay trong cộng đồng địa phương xã Bộc Nhiêu. Chương trình 135 đã thay đổi bộ mặt của địa phương, giúp cải thiện đời sống của người dân về mọi mặt, khi chúng tôi xuống địa bàn đó là một hôm trời mưa, chúng tôi nghĩ đường đi chắc khó khăn lắm nhưng mọi việc lại không giống như những gì tôi nghĩ, đường dài nhựa trải dài đến tận trung tâm xã, người dân vẫn đi lại bình thường đó là điều mà nếu quay lại một vài năm trước chắc là người dân địa phương không giám nghĩ đến.

4.4.2. Tác động đối với tình hình xã hội của địa phương

4.4.2.1. Cải thiện cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi

Chương trình 135 là một chương trình đầu tư phát triển các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới hải đảo. Vì vậy, tác động của chương trình đến xã hội là một chỉ tiêu rất quan trọng.

Để đánh giá tác động của Chương trình 135 đến xã hội cần xem xét tác động của nó đến các vấn đề xã hội như: sự cải thiện về cơ sở hạ tầng, sự tăng lên về sản xuất, giảm tỷ lệ nghèo đói trong nông thôn, tăng tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường, giảm tỷ lệ mù chữ, tạo sự cân bằng trong cộng đồng và công bằng về giới, giảm sự chênh lệch giàu nghèo giữa các nhóm hộ nông dân, nâng cao tính tự lập cộng đồng dân cư trong nông thôn, tăng tỷ lệ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ của người dân, tăng chất lượng cuộc sống.

Từ khi Chương trình 135 giai đoạn II được thực hiện cho tới nay, cơ sở hạ tầng của xã đã được cải thiện đáng kể, với những dự án thành phần được đầu tư vào vùng và tạo điều kiện thuận lợi cho cư dân trong vùng.

Qua Bảng 4.23 chúng ta thấy, sau khi kết thúc giai đoạn II Chương trình 135, cơ sở hạ tầng của xã Bộc Nhiêu đã có những thay đổi đáng kể. Trước khi thực hiện Chương trình 135, cơ sở hạ tầng trên địa bàn rất nghèo nàn, Cơ sở hạ tầng chưa thể đáp ứng được với nhu cầu của người dân. Sau khi thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II thì số km kênh mương đã tăng lên 16,205 km, 18 km đường nhựa, 10 km đường bê tông, 02 trạm điện, 19,62 km đường điện hạ thế, 7 km đường dây cao thế, 9 phòng học mẫu giáo, 20 phòng học tiểu học, 1 trạm y tế đạt tiêu chuẩn quốc gia và 976 m² chợ, đã đáp ứng được nhu cầu của người dân.

Từ đó cho thấy Chương trình 135 đã có những tác động rõ rệt đối với cơ sở hạ tầng kỹ thuật của xã Bộc Nhiêu. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến những thay đổi về kinh tế và xã hội ở địa phương.

Bảng 4. 23: Tình hình cơ sở hạ tầng trước khi có chương trình (2006) và khi có chương trình (2011)

Chỉ tiêu	ĐVT	Trước chương trình (2006)	Sau khi kết thúc giai đoạn II (2011)	Tăng (+) Giảm (-)
1. Công trình thủy lợi				
- Trạm bơm	km	0	0	0
- Mương máng được kiên cố	km	0	10	10
2. Công trình giao thông				
- Đường nhựa	km	0	18	18
- Đường bê tông	km	0	10	10
3. Công trình điện				
- Trạm biến thế	trạm	1	2	1
- Đường dây hạ thế	km	16	19,62	3,62
- Đường dây cao thế	km	4	7	3
4. Các công trình khác				0
- Trường mẫu giáo	phòng	5	9	4
- Trường tiểu học	phòng	10	20	10
- Trường THCS	phòng	9	13	4
- Trạm y tế	cái	1	1	0
- Chợ	m ²	850	976	126

(Nguồn: UBND xã Bộc Nhiêu)

Từ kết quả bảng 4.23 cho thấy sau 6 năm thực hiện chương trình 135 cơ sở hạ tầng ở Bộc Nhiêu đã được thay đổi và cải thiện rất nhiều. Cụ thể là trước khi có chương trình 135 ở xã chưa có mương máng kiên cố và đường bê tông đến năm 2011 xã đã có 10 km đường bê tông và 10 km kênh mương được kiên cố hóa. Ngoài ra trong 5 năm xã đã xây thêm 4 phòng học mẫu giáo, 10 phòng học tiểu học, 4 phòng học THCS, trạm y tế và chợ đã được tu sửa và cải thiện đặc biệt là trạm y tế đã được xây dựng lại với đầy đủ trang thiết bị và phòng điều

trị bệnh cho người dân. Vì vậy cho đến nay đời sống của người dân đã được cải thiện và được đáp ứng ngày càng tốt hơn với chất lượng ngày càng cao.

Bảng 4.24: Đánh giá của người dân về chất lượng cơ sở hạ tầng từ khi chưa có chương trình 135 đến khi kết thúc chương trình 135

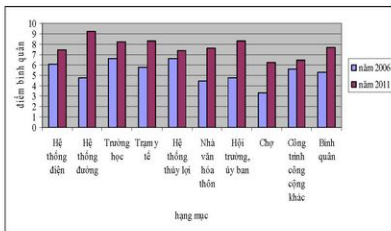
Tiêu chí	Số hộ phòng vấn	Trước chương trình 135 Năm 2006		Sau chương trình 135 Năm 2011	
		Tổng điểm	Điểm bình quân	Tổng điểm	Điểm bình quân
Hệ thống điện	75	458	6,1	563	7,5
Hệ thống đường		360	4,8	690	9,2
Trường học		495	6,6	615	8,2
Trạm y tế		435	5,8	623	8,3
Hệ thống thủy lợi		495	6,6	555	7,4
Nhà văn hóa thôn		338	4,5	570	7,6
Hội trường, ủy ban		360	4,8	624	8,3
Chợ		248	3,3	465	6,2
Công trình công cộng khác		420	5,6	488	6,5
Bình quân		398	5,3	577	7,69

(Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra nông hộ)

Từ bảng 4.24 ta thấy chất lượng cơ sở hạ tầng qua sự đánh giá của người dân ngày một tăng. Điều đó đồng nghĩa với việc chương trình 135 đã góp phần lớn trong việc cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng của địa phương. Chất lượng của các công trình không ngừng tăng lên.

Từ bảng số liệu trên ta thấy số điểm bình quân của các hộ về chất lượng cơ sở hạ tầng tính đến năm 2011 tăng cao hơn nhiều so với năm 2006. Điểm của các hộ được cho dựa vào mức độ hài lòng và thỏa mãn trong các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương với số điểm cao nhất của mỗi hộ có thể cho là 10 điểm (tương ứng với chất lượng phục vụ tốt, thỏa mãn và đáp ứng được với những nhu cầu của người dân). Tổng điểm là tổng số điểm mà các hộ (75 hộ điều tra) đánh giá về từng tiêu

chỉ. Điểm bình quân là số điểm bình quân mà các hộ đánh giá. Điểm bình quân cao hay thấp phản ánh được chất lượng của các công trình cơ sở hạ tầng của địa phương. Khi được hỏi và nhờ đề nghị người dân cho điểm về chất lượng cơ sở hạ tầng của địa phương tại thời điểm hiện tại và năm chưa có chương trình 135 giai đoạn 2 ta thấy được sự chênh lệch khá lớn về số điểm mà người dân cho. Từ đó ta thấy chất lượng cơ sở hạ tầng trước và sau khi có Chương trình 135 đã được nâng lên rất nhiều, qua đó cũng thấy được hiệu quả của Chương trình 135 tác động đến địa phương như thế nào. Chất lượng của các công trình được phản ánh chi tiết hơn trong hình sau đây.



Hình 7: So sánh chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng trước và sau khi thực hiện chương trình 135 giai đoạn II xã Bộc Nhiêu

Từ hình trên ta thấy số điểm bình quân mà các hộ đánh giá về các công trình cơ sở hạ tầng ngày một tăng. Tăng nhiều nhất là hệ thống đường giao thông, tăng từ 4,8 lên 9,8 tăng 5 điểm, đây cũng là lĩnh vực mà địa phương và chương trình 135 tập trung và quan tâm hỗ trợ nhiều nhất. Tiếp theo là hội trường, ủy ban, sau đó đến nhà sinh hoạt cộng đồng của các thôn cũng tăng nhanh,...

Khi phỏng vấn một bác nông dân về sự so sánh chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng của địa phương 5 năm trước và hiện tại, bác tâm sự như sau:

Hộp 2: Tâm sự của một người dân về cơ sở hạ tầng trước và sau chương trình

“Thật ra để nhớ như in về 5,6 năm trước là rất khó nhưng mà tôi nhớ nhất là trong khoảng những năm 2006 thì địa phương vẫn rất lạc hậu. Tôi nhớ khi đó diện lưới còn chập chờn, cột điện đâu có bê tông cốt thép và kiên cố như bây giờ mà toàn cây tre, cây keo chặt đi làm cột. Còn đường sá thì khổ hết chỗ nói, mưa thì lầy lội không thể đi được. À, hồi đó tôi nhớ là thôn tôi còn chưa có nhà văn hóa để sinh hoạt cộng đồng, mỗi khi thôn có chuyện hay cần họp dân toàn phải mượn nhà dân để hoạt động thôi. Thế mà chỉ có trong vòng sắp xỉ 5 năm trôi mà mọi thứ thay đổi hẳn. Tôi được biết sự thay đổi đó là nhờ vào chương trình 135 của nhà nước. Tôi cũng đã được các cán bộ xã truyền truyền rất nhiều về chương trình này và tôi thấy nước ta nên có nhiều chương trình như thế này, có thể thì người dân mới đỡ khổ. Tôi cũng được chương trình 135 hỗ trợ một con trâu và nó đã cho tôi được 2 chú nghé rồi, chả mấy mà tôi từ hộ nghèo trở thành hộ giàu trong thôn cho mà xem.”

Bác Bùi Xuân Thành, thôn Bực 3 - xã Bộc Nhiều

Đó là tâm sự rất mộc mạc của bác Thành. Qua tâm sự của bác ta hiểu hơn được những thành tựu to lớn mà chương trình 135 đã mang lại cho địa phương xã Bộc Nhiều nói chung và trên cả nước nói chung. Chương trình 135 đã thúc đẩy phát triển vùng nông thôn đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số một cách toàn diện cả về kinh tế - xã hội và cải thiện môi trường.

4.4.2.2. Tạo việc làm cho dân cư vùng thực hiện Chương trình 135

Trước khi chưa thực hiện Chương trình 135, công việc của cư dân trong vùng chủ yếu là việc nông nghiệp, thời gian nhàn hạ nhiều, việc làm theo mùa vụ và tình trạng bán thất nghiệp xảy ra thường xuyên đối với người nông dân, trong khi đó cuộc sống vẫn nghèo đói và tình trạng dư thừa lao động tạo ra sự mất ổn định trong xã hội.

Sau khi Chương trình 135 giai đoạn II được thực hiện tại địa phương đã tạo ra những tác động rất tích cực tới tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho các hộ nông dân. Không chỉ như vậy, kết hợp cùng với một số chương trình hỗ trợ khác của các tổ chức xã hội và chính phủ đã tạo ra không ít việc làm cho hộ nông dân trong khu vực.

Qua bảng trên chúng ta thấy, lao động xã đã có sự thay đổi rõ rệt, đặc biệt là sự tăng lên của lao động ngành nghề khác ngoài khu vực nông nghiệp như ngành nghề dịch vụ và có sự phát triển của ngành tiểu thủ công nghiệp khi tăng thêm 90 người hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cho thấy sự thay đổi thay về lao động và ngành nghề lao động trong cơ cấu lao động của xã. Đặc biệt, trong những năm gần đây được sự hỗ trợ của các ban ngành và các tổ chức xã hội đã tạo ra một số giải pháp về ngành nghề ở địa phương khi tạo cơ hội cho một số đối tượng xin việc ở một số thành phố lớn và xuất khẩu lao động sang nước ngoài.

Từ đó ta thấy chương trình 135 giai đoạn II thực hiện tại xã Bộc Nhiêu đã từng bước thay đổi tới mọi mặt về đời sống cũng như về tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương.

Bảng 4.25: Tình hình lao động và việc làm trên địa bàn xã trước và sau khi thực hiện Chương trình 135

Chi tiêu	Trước khi có chương trình 135 (2006)		Sau khi có chương trình 135 (2011)		So sánh 2011/2006	
	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	(+)Tăng (-)Giảm	Tỷ lệ %
Tổng số lao động	2205	100	2433	100	228	110,34
1. Lao động NN	1890	85,71	1988	81,71	98	105,19
2. Lao động phi NN	315	14,29	445	18,29	130	141,27
+ Thương mại - DV vụ	155	7,03	195	8,01	40	125,81
+ Công nghiệp - TT CN	160	7,26	250	10,28	90	156,25

(Nguồn: UBND xã Bộc Nhiêu)

4.4.2.3. Giảm tỷ lệ đói nghèo

Chương trình 135 kết hợp với một số chương trình khác như Chương trình 134 về xoá nhà tạm, nhà dột nát, dự án 420 về phát triển chăn nuôi đàn gia súc, Dự án 120 về phát triển đàn lợn nái,... Đã góp phần là giảm tỷ lệ đói nghèo trong toàn xã từ 46,11% năm 2006 xuống còn 33,08% năm 2011.

Bảng 4.26: So sánh tỷ lệ hộ giàu nghèo của xã trước và sau khi thực hiện Chương trình 135

Chi tiêu	2006		2011		So sánh	
	Số lượng (hộ)	Cơ cấu (%)	Số lượng (hộ)	Cơ cấu (%)	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ
Tổng số hộ	978	100,00	1051	100,00	73	107,46
Hộ khá	28	2,9	125	11,92	97	441,71
Hộ trung bình	499	51	578	55	79	115,89
Hộ nghèo	451	46,1	348	33,08	-103	77,11

(Nguồn: UBND xã Bộc Nhiêu)

Số lượng và cơ cấu của từng nhóm hộ sẽ được thể hiện rõ hơn qua bảng về số lượng và cơ cấu hộ nghèo của 21 thôn trong địa bàn xã Bộc Nhiêu.

Từ bảng số liệu trên ta thấy trước và sau khi triển khai Chương trình 135 thì số lượng và tỷ lệ hộ nghèo của Bộc Nhiêu giảm xuống rõ rệt. Cụ thể về số lượng hộ nghèo của cả xã đã giảm từ 453 hộ năm 2006 xuống còn 329 hộ năm 2011, giảm 103 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 46,1% năm 2006 xuống còn 33,08% năm 2012, giảm 13,02%.

Như vậy chúng ta thấy cơ cấu các loại hộ thay đổi rất nhanh theo chiều hướng tích cực, các hộ nghèo có xu hướng giảm xuống rất nhanh, trong khi đó các loại hộ khá và hộ trung bình ngày càng cao theo mức độ của chương trình đầu tư, đó là một dấu hiệu rất tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội của xã.

Bảng 4.27 : So sánh tỷ lệ hộ nghèo trước và sau khi triển khai Chương trình 135 tại 21 thôn thuộc xã Bộc Nhiều

Tên xóm	Trước khi có chương trình 135 (2006)		Sau khi có chương trình 135 (2011)		So sánh	
	Số hộ nghèo	(%)	Số hộ nghèo	(%)	+(-) hộ nghèo	+(-) (%)
Lạc Nhiều	34	44,7	29	40,7	-5	-4
Dạo 2	22	50,0	19	40,9	-3	-9,1
Dạo 1	27	47,3	23	42,1	-4	-5,6
Đồng Tâm	8	36,3	6	31,8	-2	-4,5
Thắm Chè	8	40,0	5	30,0	-3	-10
Mình Tiến	25	43,8	20	33,3	-5	-10
Việt Nhiều	24	48,0	14	26,0	-10	-22
Bực 4	19	45,2	12	26,1	-7	-19,1
Bực 3	22	51,1	17	41,8	-5	-9,3
Bực 2	15	37,5	11	25,0	-4	-12,5
Bực 1	18	36,0	14	26,0	-4	-10
Hội Tiến	38	37,2	31	35,3	-7	-1,9
Chú 1	23	30,6	19	25,6	-4	-5
Chú 2	12	46,1	5	15,4	-7	-30,7
Chú 3	26	49,0	17	35,8	-9	-13,2
Chú 4	15	51,7	12	37,9	-3	-13,8
Đình	14	38,8	11	27,7	-3	-11,1
Rịn 1	33	53,2	27	42,1	-6	-11,1
Rịn 2	29	46,7	27	45,1	-2	-1,6
Rịn 3	23	51,1	18	44,4	-5	-6,7
Vân Nhiều	18	32,7	12	16,3	-6	-15,7
Toàn xã	451	46,1	348	33,08	-103	13,02

(Nguồn: Thống kê xã Bộc nhiều năm 2011)

Hộp 3 : Tâm sự của hộ nông dân vươn lên từ Chương trình 135

“Cám ơn nhà nước ta đã quan tâm đến những vùng khó khăn, những hộ nghèo như chúng tôi. Nếu không có chương trình 135 của nhà nước thì không biết đến bao giờ gia đình tôi mới có được như ngày hôm nay. Năm 2007 gia đình tôi được hỗ trợ 1 con trâu cái sinh sản, gia đình tôi khám khá lên từ đó. Chúng tôi chăm sóc theo đúng kỹ thuật mà các cán bộ tập huấn cho, vì vậy nên đến năm nay gia đình đã có 4 con cả trâu cả nghé, ước tính trị giá khoảng 30 triệu đồng. Và vào vụ cày cấy nhờ có trâu nên tôi đi cày thuê cho các hộ khác và mỗi vụ tôi có thêm khoảng 3 triệu đồng tiền cày thuê nữa. Nếu mà so với trước kia khi chưa có trâu thì đời sống của gia đình tôi khấm khá hơn nhiều. Bây giờ gia đình tôi đã thoát nghèo rồi, điều mà gia đình tôi mong ước bấy lâu nay là có một đàn trâu đã trở thành hiện thực.”

Bác Mai Tất Thống, xóm Chú Ba, Bộc Nhiêu

Trong 5 năm thực hiện Chương trình 135, những kết quả thu được từ việc xoá đói giảm nghèo như sau:

Bảng 4.28: Kết quả một số hoạt động xoá đói giảm nghèo

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Giá trị (Tr.đ)
1. Cấp phát vốn cho hộ nghèo	hộ	436	872
2. Phát thẻ bảo hiểm y tế	hộ	728	17,2
3. Cấp giấy cho học sinh	em	1383	2,76
4. Hỗ trợ kinh phí học sinh	em	23	2,3
5. Cấp muối	hộ	27	1,69
6. Hỗ trợ xây nhà tạm	hộ	12	36,0
7. Miễn giảm tiền xây dựng	em	1.383	414,9
Tổng			1.347,85

(Nguồn: UBND xã Bộc Nhiêu)

Điều này cho ta thấy Chương trình 135 là một chương trình áp dụng phù hợp với các vùng có nền kinh tế kém phát triển, các vùng sâu vùng xa, vùng biên giới hải đảo.

4.4.2.4. Nâng cao trình độ dân trí

Sau 6 năm thực hiện trình độ dân trí của xã đã được cải thiện rõ rệt cùng với sự đầu tư của ngành giáo dục, về cơ bản đã xoá mù chữ tới 95% dân số, chỉ

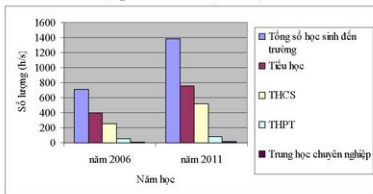
còn khoảng 5% người dân không biết chữ đó là những người già, người tàn tật và người có hoàn cảnh đặc biệt. Năm 2008, xã đã được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học.

Mặt khác, qua các năm số học sinh trong xã đi học trung học cơ sở và trung học phổ thông ngày càng tăng theo các năm do sự tác động tích cực từ các công trình như giao thông, điện, đường, trường học,...

Bảng 4.29: Tình hình giáo dục của xã trước và sau khi có chương trình

Chi tiêu	Năm 2006		Năm 2011		So sánh 2011/2006	
	Số lượng (học sinh)	Cơ cấu (%)	Số lượng (học sinh)	Cơ cấu (%)	Tăng thêm	Tỷ lệ
Tổng số	713	100,00	1383	100,00	670	193,97
Học sinh tiểu học	401	56,24	752	54,37	351	187,53
Học sinh Trung học cơ sở	251	35,20	516	37,31	265	205,58
Học sinh Trung học phổ thông	53	7,43	81	5,86	28	152,83
Trung học chuyên nghiệp	8	1,12	16	1,16	8	200,00

(Nguồn: UBND xã Bộc Nhiêu)



Hình 8: Tình hình giáo dục từ khi triển khai Chương trình 135 giai đoạn II